ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10447/UBND-KT V/v tiếp tục quản lý, sử dụng đối với 256 cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh	*Đắk Lắk, ngày 26 tháng 12 năm 2016*

Kính gửi:

- UBND huyện M'Đrắk;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Xử lý Công văn số 3543/STC-QLGCS ngày 14/12/2016 của Sở Tài chính, về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước của các cơ quan, đơn vị huyện M'Đrắk, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất phương án giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng đúng mục đích đối với 256 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện M'Đrắk, với diện tích 731.373 m^2 đất, 92.317 m^2 xây dựng nhà *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*.

2. UBND huyện M'Đrắk chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các cơ sở nhà, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT. (y_20b)

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

PHỤ LỤC

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ HUYỆN M'DRẮK

(Kèm theo Công văn số 10447 /UBND-KT ngày 26 /12/2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Số cơ sở nhà đất	Địa chỉ nhà, đất báo cáo	Tổng diện tích báo cáo		Giữ lại tiếp tục sử dụng		Ghi chú
				Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	**Khối các cơ quan, ban phòng huyện**	**11**		**9.620**	**63.435**	**9.620**	**63.435**	
1	Trụ sở UBND huyện	1	Tổ DP 11, TT M'Drắk,	2.324	14.433	2.324	14.433	
2	Trụ sở Ủy ban MTTQVN	1	Thôn 5, Thị trấn M'Drắk,	1.785	14.583	1.785	14.583	
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1	Tổ DP 11, thị trấn M'Drắk	150	620	150	620	
4	Phòng văn hóa - thông tin	1	Thị trấn M'Drắk,	1.355	5.744	1.355	5.744	
5	Trạm khuyến nông	1	Thôn 2, xã Krông Jing,	95	300	95	300	
6	Hội chữ thập đỏ - Đông Y	1	Thôn Tân lập, xã Cư M'ta,	100	900	100	900	
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	TDP 12, TT M'Drắk	557	770	557	770	
8	Phòng Y tế	1	TDP 12, TT M'Drắk	327	2.361	327	2.361	
9	Đài truyền thanh truyền hình	1	Thôn 9, Thị trấn M'Drắk	222	7.876	222	7.876	
10	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1	Thôn 5, Thị trấn M'Drắk	1.144	4.261	1.144	4.261	
11	Trung tâm dạy nghề	1	Thôn Tân lập, xã Cư M'ta	1.561	11.587	1.561	11.587	
B	**Khối xã, phường thị trấn**	**141**		**30.765**	**220.295**	**30.765**	**220.295**	
I	**Xã Cư 'Mta**	**18**	**Xã Cư 'Mta**	**2.180**	**28.184**	**2.180**	**28.184**	
1	Trụ sở xã Cư 'Mta	1	Thôn Tân lập	709	9.038	709	9.038	
2	Hội trường thôn 1	1	Xã Cư 'Mta	62	5.454	62	5.454	
3	Hội trường thôn 2	1	Xã Cư 'Mta	63	1.065	63	1.065	
4	Hội trường thôn 3	1	Xã Cư 'Mta	46	4.558	46	4.558	
5	Hội trường thôn 18	1	Xã Cư 'Mta	55	474	55	474	
6	Hội trường thôn hồ	1	Xã Cư 'Mta	70	849	70	849	
7	Hội trường thôn 19	1	Xã Cư 'Mta	145	300	145	300	
8	Hội trường thôn 20	1	Xã Cư 'Mta	60	400	60	400	
9	Hội trường Buôn phao	1	Xã Cư 'Mta	116	728	116	728	
10	Hội trường Buôn hý	1	Xã Cư 'Mta	116	533	116	533	
11	Hội trường Buôn Đắk	1	Xã Cư 'Mta	116	148	116	148	
12	Hội trường Buôn hai	1	Xã Cư 'Mta	90	948	90	948	
13	Hội trường Buôn Đắk	1	Xã Cư 'Mta	116	588	116	588	
14	Hội trường Buôn Năng	1	Xã Cư 'Mta	90	237	90	237	
15	Hội trường Buôn Leng	1	Xã Cư 'Mta	90	1.077	90	1.077	
16	Hội trường Buôn Ắk	1	Xã Cư 'Mta	86	1.068	86	1.068	
17	Hội trường Buôn Gõ	1	Xã Cư 'Mta	90	347	90	347	

18	Hội trường thôn Tân lập	1	Xã Cư 'Mta	60	372	60	372	
II	**xã Ea Trang**	**11**	**Xã Ea Trang**	**2.006**	**6.388**	**2.006**	**6.388**	
1	Trụ sở xã Ea Trang	1	Thôn 2,	1.104	2.916	1.104	2.916	
2	Nhà SH VH cộng đồng Buôn M'O	1	Xã Ea Trang	116	439	116	439	
3	Nhà SH VH cộng đồng Buôn M'Bơn	1	Xã Ea Trang	86	886	86	886	
4	Nhà SH VH cộng đồng Buôn M'Yui	1	Xã Ea Trang	90	203	90	203	
5	Nhà SH VH cộng đồng Buôn M'Thi	1	Xã Ea Trang	90	181	90	181	
6	Nhà SH VH cộng đồng Buôn M'Gơn	1	Xã Ea Trang	90	252	90	252	
7	Nhà SH VH cộng đồng Buôn M'Đlok	1	Xã Ea Trang	90	312	90	312	
8	Nhà SH VH cộng đồng Buôn M'Hạp	1	Xã Ea Trang	90	191	90	191	
9	Nhà SH VH cộng đồng Buôn M'Lía	1	Xã Ea Trang	72	763	72	763	
10	Nhà SH VH cộng đồng Buôn M"Guê	1	Xã Ea Trang	90	136	90	136	
11	Nhà SH VH cộng đồng Buôn M'Jam	1	Xã Ea Trang	90	109	90	109	
III	**xã Cư Prao**	**13**	**xã Cư Prao**	**2.514**	**42.352**	**2.514**	**42.352**	
1	Trụ sở xã Cư Prao	4	Thôn 1	1.858	22.976	1.858	22.976	
2	Hội Trường Thôn 1	1	xã Cư Prao	62	480	62	480	
3	Hội Trường Thôn 2	1	xã Cư Prao	62	1.550	62	1.550	
4	Hội Trường Thôn 3	1	xã Cư Prao	62	567	62	567	
	Hội Trường Thôn 4	1	xã Cư Prao	62	2.993	62	2.993	
	Hội Trường Thôn 5	1	xã Cư Prao	30	360	30	360	
	Hội Trường Thôn 6	1	xã Cư Prao	24	3.744	24	3.744	
	Hội Trường Thôn 9	1	xã Cư Prao	62	6.464	62	6.464	
	Hội Trường Thôn ĐP	1	xã Cư Prao	62	1.052	62	1.052	
	Nhà Văn Hoá Buôn Pa	1	xã Cư Prao	56	250	56	250	
	Nhà VH Buôn Năng	1	xã Cư Prao	56	250	56	250	
	Nhà VH Buôn Hoang	1	xã Cư Prao	60	514	60	514	
	Nhà VH Buôn Zô	1	xã Cư Prao	60	1.152	60	1.152	
	Xã Cư KRóa	**10**	**Xã Cư KRóa**	**12.246**	**9.500**	**12.246**	**9.500**	
	Trụ sở xã Cư KRóa	1	Thôn 5	11.631	1.412	11.631	1.412	
	Hội Trường Thôn 1	1	Xã Cư KRóa	65	150	65	150	
	Hội Trường Thôn 2	1	Xã Cư KRóa	60	863	60	863	
	Hội Trường Thôn 3	1	Xã Cư KRóa	65	150	65	150	

5	Hội Trường Thôn 4	1	Xã Cư KRóa	65	544	65	544	
6	Hội Trường Thôn 5	1	Xã Cư KRóa	65	150	65	150	
7	Hội Trường Thôn 6	1	Xã Cư KRóa	65	1.792	65	1.792	
8	Hội Trường Thôn 7	1	Xã Cư KRóa	65	2.000	65	2.000	
9	Hội Trường Thôn 8	1	Xã Cư KRóa	65	1.908	65	1.908	
10	Hội Trường Thôn 9	1	Xã Cư KRóa	100	531	100	531	
V	**Xã Ea Pil**	**15**	**Xã Ea Pil**	**1.469**	**21.340**	**1.469**	**21.340**	
1	Trụ sở xã Ea Pil	1	Thôn 2, xã Ea Pil,	618	3.169	618	3.169	
2	Hội Trường Thôn 1	1	Xã Ea Pil	45	680	45	680	
3	Hội Trường Thôn 2	1	Xã Ea Pil	160	565	160	565	
4	Hội Trường Thôn 3	1	Xã Ea Pil	40	188	40	188	
5	Hội Trường Thôn 4	1	Xã Ea Pil	70	3.396	70	3.396	
6	Hội Trường Thôn 5	1	Xã Ea Pil	54	1.000	54	1.000	
7	Hội Trường Thôn 6	1	Xã Ea Pil	45	2.500	45	2.500	
8	Hội Trường Thôn 7	1	Xã Ea Pil	47	1.762	47	1.762	
9	Hội Trường Thôn 8	1	Xã Ea Pil	56	645	56	645	
10	Hội Trường Thôn 9	1	Xã Ea Pil	80	925	80	925	
11	Hội Trường Thôn 10	1	Xã Ea Pil	80	336	80	336	
12	Hội Trường Thôn 11	1	Xã Ea Pil	35	513	35	513	
13	Hội Trường Thôn 12	1	Xã Ea Pil	43	4.682	43	4.682	
14	Hội Trường Thôn 13	1	Xã Ea Pil	40	408	40	408	
15	Hội Trường Thôn 14	1	Xã Ea Pil	56	571	56	571	
VI	**Xã Cư San**	**5**	**Xã Cư San**	**2.059**	**22.635**	**2.059**	**22.635**	
1	Trụ sở xã Cư San	1	Thôn 7	1.909	20.500	1.909	20.500	
2	Hội Trường Thôn 9	1	Xã Cư San	50	360	50	360	
3	Hội Trường Thôn Tách Drung	1	Xã Cư San	50	400	50	400	
4	Hội Trường Thôn Sông Chò	1	Xã Cư San	50	1375	50	1375	
5	Hội Trường Thôn Ea Krông	1	Xã Cư San	50	4418,5	50	4418,5	
VII	**Xã Ea Lai**	**10**	**Xã Ea Lai**	**843**	**19.861**	**843**	**19.861**	
1	Trụ sở xã Ea Lai	1	Xã Ea Lai	452	1.626	452	1.626	
2	Hội trường thôn 1	1	Xã Ea Lai	36	1.042	36	1.042	
3	Hội trường thôn 2	1	Xã Ea Lai	25	1.694	25	1.694	
4	Hội trường thôn 3	1	Xã Ea Lai	50	1.711	50	1.711	
5	Hội trường thôn 4	1	Xã Ea Lai	50	2.703	50	2.703	
6	Hội trường thôn 7	1	Xã Ea Lai	40	673	40	673	
7	Hội trường thôn 8	1	Xã Ea Lai	50	790	50	790	
8	Hội trường thôn 9	1	Xã Ea Lai	50	1.297	50	1.297	
9	Hội trường thôn 10	1	Xã Ea Lai	50	7.924	50	7.924	
10	Hội trường Buôn CuPrao	1	Xã Ea Lai	40	401	40	401	

VIII	**Trụ sở xã Ea Mlay**	**1**	**Thôn 5, xã Ea Mlay**	**686**	**5.212**	**686**	**5.212**	
IV	**Xã Ea Mdoal**	**2**	**Xã Ea Mdoal**	**790**	**4.048**	**790**	**4.048**	
1	Trụ sở xã Ea Mdoal	1	Thôn 6, xã Ea Mdoal	670	2.848	670	2.848	
2	Hội trường thôn 4	1	xã Ea Mdoal	120	1.200	120	1.200	
X	**Thị trấn M'Drắk**	**13**	**Thị trấn M'Drắk**	**1.651**	**14.401**	**1.651**	**14.401**	
1	Trụ sở thị trấn	1	Thôn 9	949	4.446	949	4.446	
2	Hội trường TDP số 1	1	Thị trấn M'Drắk	60	809	60	809	
3	Hội trường TDP số 2	1	Thị trấn M'Drắk	52	76	52	76	
4	Hội trường TDP số 3	1	Thị trấn M'Drắk	40	1.049	40	1.049	
5	Hội trường TDP số 4	1	Thị trấn M'Drắk	45	162	45	162	
6	Hội trường TDP số 5	1	Thị trấn M'Drắk	50	378	50	378	
7	Hội trường TDP số 6	1	Thị trấn M'Drắk	104	3.310	104	3.310	
8	Hội trường TDP số 7	1	Thị trấn M'Drắk	40	150	40	150	
9	Hội trường TDP số 8	1	Thị trấn M'Drắk	60	125	60	125	
10	Hội trường TDP số 9	1	Thị trấn M'Drắk	80	360	80	360	
11	Hội trường TDP số 10	1	Thị trấn M'Drắk	72	588	72	588	
12	Hội trường TDP số 11	1	Thị trấn M'Drắk	54	2.568	54	2.568	
13	Hội trường TDP số 12	1	Thị trấn M'Drắk	45	380	45	380	
I	**Xã Krông Á**	**7**	**Xã Krông Á**	**1.067**	**20.662**	**1.067**	**20.662**	
	Trụ sở xã Krông Á	1	Xã Krông Á	677	12.871	677	12.871	
	Hội Trường Thôn 1	1	Xã Krông Á	65	447	65	447	
	Hội Trường Thôn 3	1	Xã Krông Á	52	1.861	52	1.861	
	Hội Trường Thôn 4	1	Xã Krông Á	68	1.142	68	1.142	
	Hội Trường Thôn 5	1	Xã Krông Á	67	1.806	67	1.806	
	Hội Trường Thôn 6	1	Xã Krông Á	70	1.218	70	1.218	
	Hội Trường Thôn 7	1	Xã Krông Á	68	1.317	68	1.317	
	Xã Krông Jing	**20**	**Xã Krông Jing**	**1.937**	**9.662**	**1.937**	**9.662**	
	Trụ sở xã Krông Jing	1	Thôn 2, xã Krông Jing	842	2.040	842	2.040	
	Hội Trường Thôn 1	1	Xã Krông Jing	60	174	60	174	
	Hội Trường Thôn 2	1	Xã Krông Jing	60	485	60	485	
	Hội Trường Thôn 3	1	Xã Krông Jing	50	80	50	80	
	Hội Trường Thôn 4	1	Xã Krông Jing	60	223	60	223	
	Nhà cộng đồng Buôn Ea HMLai	1	Xã Krông Jing	55	207	55	207	
	Nhà cộng đồng Buôn Kchuăh	1	Xã Krông Jing	80	1.763	80	1.763	
	Nhà cộng đồng Buôn Glăn	1	Xã Krông Jing	55	335	55	335	
	Nhà cộng đồng Buôn Bik	1	Xã Krông Jing	55	275	55	275	
	Nhà cộng đồng Buôn Hoang	1	Xã Krông Jing	55	250	55	250	

11	Nhà cộng đồng Buôn MLôc B	1	Xã Krông Jing	60	431	60	431	
12	Nhà cộng đồng Buôn MLôc A	1	Xã Krông Jing	55	125	55	125	
13	Nhà cộng đồng Buôn MGăm	1	Xã Krông Jing	55	176	55	176	
14	Nhà cộng đồng Buôn Suốt	1	Xã Krông Jing	55	217	55	217	
15	Nhà cộng đồng Buôn Ea Lai	1	Xã Krông Jing	55	347	55	347	
16	Nhà cộng đồng Buôn Tai	1	Xã Krông Jing	60	336	60	336	
17	Nhà cộng đồng Buôn Um	1	Xã Krông Jing	55	862	55	862	
18	Nhà cộng đồng Buôn Trưng	1	Xã Krông Jing	55	314	55	314	
19	Nhà cộng đồng Buôn Nhang	1	Xã Krông Jing	60	434	60	434	
20	Nhà cộng đồng Buôn Tlu	1	Xã Krông Jing	55	588	55	588	
XIII	**Xã Ea Riêng**	**8**	**Xã Ea Riêng**	**1.316**	**16.050**	**1.316**	**16.050**	
1	Trụ sở xã Ea Riêng	1	Thôn 9, xã Ea Riêng	804	2.974	804	2.974	
2	Hội trường thôn 3	1	Xã Ea Riêng	45	3.206	45	3.206	
3	Hội trường thôn 6	1	Xã Ea Riêng	63	1.910	63	1.910	
4	Hội trường thôn 11	1	Xã Ea Riêng	70	527	70	527	
5	Hội trường thôn 17	1	Xã Ea Riêng	136	927	136	927	
6	Hội trường thôn 18	1	Xã Ea Riêng	98	320	98	320	
7	Hội trường thôn 19	1	Xã Ea Riêng	50	5.616	50	5.616	
8	Hội trường thôn 20	1	Xã Ea Riêng	50	570	50	570	
C	**Khối giáo dục và ĐT**	**104**		**51.933**	**447.644**	**51.933**	**447.644**	
I	**Trường Mầm non**	**46**		**10.387**	**94.444**	**10.387**	**94.444**	
1	Trường mẫu giáo Hoạ My	1	Thôn 6, xã EaLai	432	1.785	432	1.785	
2	Trường mẫu giáoThuỷ Tiên	1	Thôn 5, xã EaMlay	381	1.800	381	1.800	
3	Trường mẫu giáo Hoa Mai	4	Xã KrôngJing	982	1.984	982	1.984	
	- MG Hoa Mai (trường chính)	*1*	*Buôn Glăn*	*551*	*927*	*551*	*927*	
	- MG Hoa Mai(điểm trường)	*1*	*Buôn Glăn*	*209*	*388*	*209*	*388*	
	- MG Hoa Mai (điểm trường)	*1*	*Thôn 4*	*88*	*510*	*88*	*510*	
	- MG Hoa Mai (điểm trường)	*1*	*Buôn Mlốc*	*133*	*159*	*133*	*159*	
4	Trường mẫu giáo Hoa Cúc	7	Xã CưPrao	605	26.516	605	26.516	
	- MG Hoa Cúc (trường chính)	*1*	*Thôn 4*	*183*	*12.611*	*183*	*12.611*	
	- MG Hoa Cúc (điểm trường)	*1*	*Thôn 5*	*90*	*400*	*90*	*400*	
	- MG Hoa Cúc (điểm trường)	*1*	*Thôn 6*	*84*	*8.516*	*84*	*8.516*	
	- MG Hoa Cúc (điểm trường)	*1*	*Thôn 8*	*42*	*2.060*	*42*	*2.060*	
	- MG Hoa Cúc (điểm trường)	*1*	*Thôn 7*	*42*	*2.424*	*42*	*2.424*	
	- MG Hoa Cúc (điểm trường)	*1*	*Buôn Pa*	*117*	*400*	*117*	*400*	
	- MG Hoa Cúc (điểm trường)	*1*	*Buôn Zô*	*47*	*105*	*47*	*105*	
5	Trường mẫu giáo Hoa Sim	2	Xã CưKróa	622	7.605	622	7.605	
	- MG Hoa Sim (trường chính)	*1*	*Thôn 02*	*466*	*4.130*	*466*	*4.130*	
	- MG Hoa Sim (điểm trường)	*1*	*Thôn 07*	*156*	*3.475*	*156*	*3.475*	

6	Trường MG Hoa Hướng Dương	1	Thôn 6, xã EaMdoal	260	1.690	260	1.690	
7	Trường mẫu giáo Hoa P'Lang	1	Thôn 11, xã Eapil	490	5.781	490	5.781	
8	Trường mẫu giáo Hoa Đào	2	Xã Krông Á	1.487	2.699	1.487	2.699	
	- MG Hoa Đào (trường chính)	*1*	*Thôn 4*	*312*	*2.634*	*312*	*2.634*	
	- MG Hoa Đào (điểm trường)	*1*	*Thôn 5*	*1.175*	*65*	*1.175*	*65*	
9	Trường mẫu giáo Hoa Ban	7	Xã Cư San	787	10.977	787	10.977	
	- MG Hoa Ban (trường chính)	*1*	*Thôn 7*	*372*	*5.965*	*372*	*5.965*	
	- MG Hoa Ban (điểm trường)	*1*	*Thôn 4*	*69*	*482*	*69*	*482*	
	- MG Hoa Ban (điểm trường)	*1*	*Thôn 6*	*69*	*585*	*69*	*585*	
	- MGHoa Ban (điểm trường)	*1*	*Thôn 8*	*69*	*1.666*	*69*	*1.666*	
	- MG Hoa Ban (điểm trường)	*1*	*Thôn 9*	*69*	*266*	*69*	*266*	
	- MG Hoa Ban (điểm trường)	*1*	*Thôn 10*	*69*	*1.088*	*69*	*1.088*	
	- MG Hoa Ban (điểm trường)	*1*	*Thôn 11*	*69*	*926*	*69*	*926*	
10	Trường mẫu giáo Sơn Ca	1	Thôn 8, xã EaRiêng	420	5.004	420	5.004	
11	Trường mầm non Thị Trấn	1	Tổ 6 Thị trấn M'Drắk	1.158	4.300	1.158	4.300	
12	trường mẫu giáo Hoa Hồng	3	Xã Krông Jing	713	4.489	713	4.489	
	- MG Hoa Hồng (trường chính)	*1*	*B Msuốt*	*547*	*1.354*	*547*	*1.354*	
	- MG Hoa Hồng (điểm trường)	*1*	*Buôn Tại*	*58*	*1.617*	*58*	*1.617*	
	- MG Hoa Hồng (điểm trường)	*1*	*Buôn Nhang*	*107*	*1.518*	*107*	*1.518*	
13	Trường mẫu giáo Hoa Lan	8	Xã Ea Trang	1.114	4.440	1.114	4.440	
	- MG Hoa Lan (trường chính)	*1*	*Buôn Thi*	*428*	*1.051*	*428*	*1.051*	
	- MG Hoa Lan (điểm trường)	*1*	*Buôn M'Jam*	*101*	*661*	*101*	*661*	
	- MG Hoa Lan (điểm trường)	*1*	*Buôn M'Gơm*	*66*	*431*	*66*	*431*	
	- MG Hoa Lan (điểm trường)	*1*	*Buôn M'Jui*	*66*	*69*	*66*	*69*	
	- MG Hoa Lan (điểm trường)	*1*	*Buôn M'Hạp*	*118*	*153*	*118*	*153*	
	- MG Hoa Lan (điểm trường)	*1*	*Buôn M'Bơn*	*101*	*1.250*	*101*	*1.250*	
	- MG Hoa Lan (điểm trường)	*1*	*Buôn Eapra*	*118*	*561*	*118*	*561*	
	- MG Hoa Lan (điểm trường)	*1*	*Buôn Ea Boa*	*118*	*264*	*118*	*264*	
	Trường mẫu giáo Hoa Sen	3	Xã Cư Mta	410	6.441	410	6.441	
	- MG Hoa Sen (trường chính)	*1*	*Buôn Đắk*	*290*	*5.897*	*290*	*5.897*	
	- MG Hoa Sen (điểm trường)	*1*	*Buôn Phao*	*60*	*383*	*60*	*383*	
	- MG Hoa Sen (điểm trường)	*1*	*Buôn Đức*	*60*	*161*	*60*	*161*	
	Trường MG Tuổi Thơ	4	Xã Cư San	526	8.933	526	8.933	
	- MG Tuổi Thơ	*1*	*Thôn Tăk Dung*	*246*	*2.700*	*246*	*2.700*	
	MG Tuổi Thơ (điểm trường)	*1*	*Thôn Sông Chò*	*69*	*920*	*69*	*920*	
	MG Tuổi Thơ (điểm trường)	*1*	*Thôn Ea Krông*	*123*	*4.908*	*123*	*4.908*	
	MG Tuổi Thơ (điểm trường)	*1*	*Thôn EaSanh*	*88*	*405*	*88*	*405*	
	hối Trường Tiểu học	**46**		**22.759**	**219.945**	**22.759**	**219.945**	

1	Trường Chu Văn An	3	Xã Krông Jing	1.346	3.124	1.346	3.124	
	- Chu Văn An (trường chính)	*1*	*B. MlốcB*	*1.054*	*1.915*	*1.054*	*1.915*	
	- Chu Văn An (điểm trường)	*1*	*B. Coăch*	*134*	*612*	*134*	*612*	
	- Chu Văn An (điểm trường)	*1*	*B. Bik*	*158*	*597*	*158*	*597*	
2	Trần Quốc Toản	2	Xã EaTrang	1.227	6.123	1.227	6.123	
	- Trần Quốc Toản (trường chính)	*1*	*Thôn 2*	*837*	*4.623*	*837*	*4.623*	
	- Trần Quốc Toản (điểm trường)	*1*	*Thôn 3*	*390*	*1.500*	*390*	*1.500*	
3	Trường Nguyễn Bỉnh Khiêm	2	Xã EaMlay	1.225	10.135	1.225	10.135	
	- Nguyễn Bỉnh Khiêm (trường chính)	*1*	*Thôn 3*	*652*	*5.162*	*652*	*5.162*	
	- Nguyễn Bỉnh Khiêm (điểm trường)	*1*	*Thôn 7*	*573*	*4.973*	*573*	*4.973*	
4	Trường Nguyễn Du	1	Thôn 7	1.025	7.110	1.025	7.110	
5	Trường Nơ Trang Lơng	3	Xã EaTrang	1.216	8.060	1.216	8.060	
	- Nơ Trang Lơng (trường chính)	*1*	*Buôn Bơn*	*1.018*	*4.864*	*1.018*	*4.864*	
	- Nơ Trang Lơng (điểm trường)	*1*	*Buôn Thi*	*90*	*2.516*	*90*	*2.516*	
	- Nơ Trang Lơng (điểm trường)	*1*	*Buôn EaBoa*	*108*	*680*	*108*	*680*	
6	trường Phan Chu Trinh	1	Thôn 5 EaRiêng	1.104	9.103	1.104	9.103	
7	Trường Lê Hồng Phong	2	Xã EaPil	1.452	14.786	1.452	14.786	
	- Lê Hồng Phong (trường chính)	*1*	*Thôn 3*	*1.322*	*12.204*	*1.322*	*12.204*	
	- Lê Hồng Phong (điểm trường)	*1*	*Thôn 1*	*130*	*2.582*	*130*	*2.582*	
8	Trường Đinh Tiên Hoàng	2	Xã Cư San	984	24.476	984	24.476	
	- Đinh Tiên Hoàng (trường chính)	*1*	*Thôn 7 Cư San*	*750*	*16.476*	*750*	*16.476*	
	- Đinh Tiên Hoàng (điểm trường)	*1*	*Thôn 4 Cư San*	*234*	*8.000*	*234*	*8.000*	
9	Trường Nguyễn Văn Bé	1	Thôn 17 Ea Riêng	1.123	5.432	1.123	5.432	
10	Trường Lê Quý Đôn	4	Xã Cư Króa	646	17.185	646	17.185	
	- Lê Quý Đôn (trường chính)	*1*	*Thôn 2*	*186*	*5.076*	*186*	*5.076*	
	- Lê Quý Đôn (điểm trường)	*1*	*Thôn 7*	*140*	*1.800*	*140*	*1.800*	
	- Lê Quý Đôn (điểm trường)	*1*	*Thôn 8*	*140*	*5.309*	*140*	*5.309*	
	- Lê Quý Đôn (điểm trường)	*1*	*Thôn 9*	*180*	*5.000*	*180*	*5.000*	
11	Trường Võ Thị Sáu	3	Xã Cư Mta	1.094	15.935	1.094	15.935	
	- Võ Thị Sáu (trường chính)	*1*	*Buôn Hai*	*626*	*12.300*	*626*	*12.300*	
	- Võ Thị Sáu (điểm trường)	*1*	*Thôn Quyết thắng,*	*339*	*2.392*	*339*	*2.392*	
	- Võ Thị Sáu (điểm trường)	*1*	*Buôn phao*	*129*	*1.243*	*129*	*1.243*	
12	Trường Lê Lợi	2	Xã Cư Mta	1.026	8.910	1.026	8.910	
	- Lê Lợi (trường chính)	*1*	*Buôn Ắk*	*900*	*6.500*	*900*	*6.500*	
	- Lê Lợi (điểm trường)	*1*	*Buôn gõ*	*126*	*2.410*	*126*	*2.410*	
13	Trường Kim Đồng	1	Tổ 6 Thị trấn M'Drắk	1.106	6.563	1.106	6.563	
14	Trường Nguyễn Văn Trỗi	3	Xã Krông Jing	1.236	6.713	1.236	6.713	

	- Nguyễn Văn Trỗi(trường chính)	*1*	*Thôn 2*	*975*	*3.663*	*975*	*3.663*	
	- Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường)	*1*	*Thôn Etê*	*122*	*2.219*	*122*	*2.219*	
	- Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường)	*1*	*Buôn Tlu*	*139*	*831*	*139*	*831*	
15	Trường Ngô Gia Tự	4	Xã Krông Á	1.423	25.846	1.423	25.846	
	- Ngô Gia Tự (trường chính)	*1*	*Thôn 2*	*959*	*20.411*	*959*	*20.411*	
	- Ngô Gia Tự (điểm trường)	*1*	*Thôn 7*	*117*	*694*	*117*	*694*	
	- Ngô Gia Tự (điểm trường)	*1*	*Thôn 6*	*174*	*1.983*	*174*	*1.983*	
	- Ngô Gia Tự (điểm trường)	*1*	*Thôn 5*	*174*	*2.758*	*174*	*2.758*	
16	Trường Bùi Thị Xuân	1	Thôn 11, xã Cư San	890	5.940	890	5.940	
17	Trường Lê Văn Tám	3	Xã Ea Mdoal	1.901	10.248	1.901	10.248	
	- Lê Văn Tám (trường chính)	*1*	*Thôn 6*	*1.328*	*4.743*	*1.328*	*4.743*	
	- Lê Văn Tám (điểm trường)	*1*	*Thôn 8*	*363*	*3.165*	*363*	*3.165*	
	- Lê Văn Tám (điểm trường)	*1*	*Thôn 4*	*210*	*2.340*	*210*	*2.340*	
18	Trường La Văn Cầu	3	Xã Cư San	766	7.619	766	7.619	
	- La Văn Cầu (trường chính)	*1*	*Thôn Ea Krông*	*492*	*5.560*	*492*	*5.560*	
	- La Văn Cầu (điểm trường)	*1*	*Thôn E Sanh*	*124*	*687*	*124*	*687*	
	- La Văn Cầu (điểm trường)	*1*	*Thôn Sông Chò*	*150*	*1.372*	*150*	*1.372*	
19	Trường Nguyễn Huệ	2	Xã EaLai	1.072	4.644	1.072	4.644	
	- Nguyễn Huệ (trường chính)	*1*	*Thôn 6, xã EaLai*	*988*	*4.560*	*988*	*4.560*	
	- Nguyễn Huệ (điểm trường)	*1*	*Thôn 3, xã EaLai*	*84*	*84*	*84*	*84*	
20	Trường Hoàng Diệu	1	Thôn 8, xã EaPil	390	12.098	390	12.098	
1	Trường Phạm Hồng Thái	2	Xã Cư Prao	507	9.895	507	9.895	
	- Phạm Hồng Thái (trường chính)	*1*	*Buôn ba*	*392*	*4.677*	*392*	*4.677*	
	- Phạm Hồng Thái (điểm trường)	*1*	*Buôn Zô*	*115,44*	*5.218*	*115,44*	*5.218*	
I	**Khối Trung học cơ sở**	**12**		**18.787**	**133.255**	**18.787**	**133.255**	
	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	1	Thôn 5, xã EaMlay	1.140	7.770	1.140	7.770	
	Trường THCS Nguyễn Trãi	1	Thôn 6 , xã EaMdoal	2.356	10.136	2.356	10.136	
	Trường THCS Hùng Vương	1	Tô 9 Thi trấnM'Drắk	2.216	11.594	2.216	11.594	
	Trường THCS Nguyễn Khuyến	1	Thôn 5 , xã Cư Prao	1.328	16.612	1.328	16.612	
	Trường THCS Ngô Quyền	1	Thôn Hồ CƯ, xãMta	1.358	6.260	1.358	6.260	
	Trường THCS Lê Đình Chinh	1	Thôn 18, xã EaRiêng	1.192	15.673	1.192	15.673	
	Trường THCS Lý Tự Trọng	1	Thôn 3, xã EaPil	1.571	13.000	1.571	13.000	
	Trường THCSPhan Đình Phùng	1	Thôn 3, xã Krông Á	1.236	15.728	1.236	15.728	
	Trường TH PTDT bán trú Phan Bội Châu	1	THôn 2, xã EaTrang	1.770	9.016	1.770	9.016	
	Trường THCS Trần Phú	1	Thôn 6, xã EaLai	689	6.238	689	6.238	
	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1	Thôn 2 , xã Krông Jing	2.095	6.828	2.095	6.828	
	Trường PTDT bán trú Tô Hiệu	1	Thôn 7, xã Cư San	1.836	14.400	1.836	14.400	
	Tổng cộng: (A+B+C)	**256**		**92.317**	**731.373**	**92.317**	**731.373**	